

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2025
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu số 01.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu số 02.
- Nguồn số 03: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực in.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép: 03 dòng khí thải phát sinh
 - + Dòng khí thải số 01 (ứng với nguồn số 01).
 - + Dòng khí thải số 02 (ứng với nguồn số 02).
 - + Dòng khí thải số 03 (ứng với nguồn số 03).
- Tọa độ vị trí xả thải
 - + Tọa độ vị trí xả khí thải của dòng khí thải số 01: $X(m) = 2259193$; $Y(m) = 0566465$.
 - + Tọa độ vị trí xả khí thải của dòng khí thải số 02: $X(m) = 2259195$; $Y(m) = 0566465$.
 - + Tọa độ vị trí xả khí thải của dòng khí thải số 03: $X(m) = 2259203$; $Y(m) = 0566457$.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải tối đa $2.500 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả thải tối đa $2.500 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả thải tối đa $20.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.3. Phương thức xả khí thải

Xả khí thải gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức $C_{\max} = C \times K_p \times K_v$ (Áp dụng hệ số $K_p = 1$; $K_v = 1$); QCVN

20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT (*)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Giá trị C	Giá trị C _{max}		
I	Dòng khí thải số 01 - 02					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng lắp đặt
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	200		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	500		
4	CO	mg/Nm ³	1.000	1.000		
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	850		
II	Dòng khí thải số 03					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	06 tháng /lần (02 lần/năm) theo cam kết của Chủ cơ sở	Không thuộc đối tượng lắp đặt
2	Benzen	mg/Nm ³	5 (*)	-		
3	Toluen	mg/Nm ³	750 (*)	-		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01 và nguồn số 02: Chủ cơ sở có 02 lò hơi sử dụng dầu DO công suất mỗi lò 500 kg/h.

- Nguồn số 03: Bụi khí thải phát sinh từ khu vực in được thu gom bằng quạt hút để vào hệ thống xử lý hơi mùi khí thải khu vực in.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Đối với nguồn số 01 và nguồn số 02: Chủ cơ sở sử dụng 02 lò hơi đốt dầu DO công suất 500 kg/h/lò. Khí thải lò hơi được dẫn thoát theo ống khói cao 04 m ra ngoài môi trường (so với mặt đất).

- Đối với nguồn số 03: Hơi mùi khí thải từ khu vực in được thu gom bằng chụp hút, quạt hút để về hệ thống xử lý khí thải để xử lý. Khí thải sau khi xử lý đạt

QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường qua ống thoát khí cao 04 m (so với nền nhà xưởng)

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi, khí thải như sau: Hơi mùi, khí thải khu vực in → Chụp hút (quạt hút) → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút khí thải → Khí sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT sẽ thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí cao 04 m so với mặt đất.

- Sàn thao tác lấy mẫu, vị trí lỗ kỹ thuật lấy mẫu theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý khí thải.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý hơi mùi khí thải khu vực in.

- Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Công ty tạm dừng hoạt động để kiểm tra xác định nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường mới cho hệ thống hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ Quý I/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý hơi mùi khí thải khu vực in.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Mẫu khí thải tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không sau hệ thống xử lý hơi mùi khí thải khu vực in.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.4 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu khí thải: Ít nhất 01 ngày/lần tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không của hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải khu vực in trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Công ty phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Tăng cường trồng bổ sung cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy hoạch được phê duyệt.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, hơi mùi, khí thải.

- Tuyên truyền vận động cán bộ, công nhân viên thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định./.